

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Hưng Yên - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Địa chỉ: số 308 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên. Mã số thuế: 0100100417-025 Số tài khoản: 0591000666999 tại Ngân hàng Vietcombank CN Phố Hiến Điện thoại: 02213636660 Số Fax: 0223.3863.886 Email: p8.ctdlhy.2015@gmail.com
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Toàn bộ các hạng mục của gói thầu Gói 03 – Xây lắp thuộc dự án: Xây dựng, cải tạo lưới điện THA khu vực Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên năm 2027
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Các xã Nam Tiên Hưng, Tiên Hưng, Bắc Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Nam Đông Hưng, Đông Hưng, Đông Tiên Hưng, Bắc Tiên Hưng, Đông Quan tỉnh Hưng Yên và được xác định trong Bản vẽ mặt bằng tuyến điện.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 240 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ dự án là: 240 ngày
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bàn giao mặt bằng công trình.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>.
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: : ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]</i>;

	- Tư vấn giám sát là: Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. + Địa chỉ: Số 2 khu VP 1 Bán đảo Linh Đàm, TP Hà Nội. + Điện thoại: 02422122268
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Các bảo lãnh gồm: Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng , bảo lãnh tạm ứng. - Các tài liệu khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy theo điều kiện nào đến trước) cho đến ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 5 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5 (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

	+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.

E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30 % giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: - Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 18 tháng. - Bảo lãnh bảo hành: + Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp ngày hiệu lực trùng với ngày nghỉ lễ, Tết thì ngày hết hiệu lực chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. + Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5(%) Giá trị hợp đồng. + Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

	+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. + Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Toàn bộ công trường nằm trên địa bàn đồng bằng tỉnh Hưng Yên, bằng phẳng thuận tiện cho thi công dự án.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Kể từ ngày giao nhận mặt bằng tại thực địa
E-ĐKC 27.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp - Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án có thẩm quyền để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. - Thời hạn khiếu nại: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày có các Quyết định xử lý vi phạm, nhà thầu được thực hiện quyền phản đối,

	khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư, phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan về thời hạn khiếu nại. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bàn giao mặt bằng công trình. - Ngày hoàn thành dự kiến: 240 ngày.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: + Tiến độ tuần: Trước 10h00 ngày thứ 5 hàng tuần. + Tiến độ tháng: Trước 10h00 ngày 04 hàng tháng. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: Không.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Hai bên thống nhất nguồn gốc vật tư thiết bị sử dụng cho gói thầu cụ thể theo Phụ lục 2: Bảng nguồn gốc vật tư thiết bị, vật liệu cung cấp cho gói thầu. - Có các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ có thể bao gồm: chứng nhận chất lượng, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật tư thiết bị. - Tất cả các vật tư, thiết bị phải được thí nghiệm mẫu đạt các yêu cầu của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc tại các quy định sau: + Văn bản 5539/EVNNPC-KT ngày 31/12/2015 v/v ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện;

	+ Văn bản 1424/EVNNPC-VT+KT ngày 17/4/2018 v/v tăng cường quản lý chất lượng VTTB; + Quyết định số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019 v/v quy định lấy mẫu thử nghiệm xác suất, kiểm soát chất lượng mua sắm tập trung VTTB; + Văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 v/v quy định bổ sung về kiểm soát chất lượng VTTB trước khi lắp đặt; + Văn bản số 4429/EVNNPC-KT ngày 26/9/2023 v/v kiểm soát chất lượng đối với FCO, LBFCO và dây chì; + Văn bản số 2353/EVNNPC-KT ngày 23/5/2025 v/v kiểm soát chất lượng thiết bị Router/Modem, switch công nghiệp và tủ điều khiển RE/LBS trên lưới điện. - Đối với các vật tư, thiết bị có yêu cầu thí nghiệm mẫu nhà thầu chịu hoàn toàn chi phí mẫu thí nghiệm và chi phí thí nghiệm. - Tất cả các mẫu trên yêu cầu phải được thí nghiệm tại Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc (NPCETC).
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	-Theo kế hoạch bố trí vốn của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3)

	Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B sau mỗi lần nghiệm thu giai đoạn với giá trị đến 95% theo khối lượng đề nghị thanh toán. Nhà thầu được thực hiện thanh toán nhiều lần sau mỗi lần nghiệm thu với giá trị tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện hoặc thanh toán một lần sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng với giá trị bằng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản duy nhất và không hủy ngang trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Việc thanh toán phụ thuộc vào kế hoạch vốn của Chủ đầu tư được bố trí cho công trình. Nhà thầu phải xuất hóa đơn GTGT, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về hóa đơn theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của Hóa đơn GTGT, các chứng từ khác phát hành cho bên A (Công ty Điện lực Hưng Yên). Bên B cam kết bồi thường mọi thiệt hại trực tiếp và gián tiếp cho bên A do việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không tuân thủ tính hợp pháp, hợp lý hợp lệ theo quy định của pháp luật do bên B gây ra. Thanh toán bằng hình thức bù trừ: Trường hợp phát sinh chi phí bên B phải trả bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thực hiện thanh toán bằng hình thức bù trừ trên cơ sở đối chiếu

	công nợ giữa các bên.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị thanh toán hoặc thanh toán đến 100% khối lượng nghiệm thu khi nhà thầu phát hành bảo lãnh thanh toán với giá trị bằng 10% giá trị khối lượng hoàn thành
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: - Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự; - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: Không áp dụng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là 0,4% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng công trình, bên B chịu mọi chi phí sửa chữa theo yêu cầu của bên A và bị phạt 12% giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm về chất lượng. - Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ bị phạt một khoản tiền giá trị 12% giá trị hợp đồng (lỗi chủ quan của Nhà thầu).

	- Phạt về chậm tiến độ nộp hồ sơ quyết toán: Nếu trong vòng 20 ngày, kể từ ngày công trình được nghiệm thu đóng điện và bàn giao, bên B không nộp cho bên A hồ sơ quyết toán công trình, hoặc nộp hồ sơ nhưng thiếu các văn bản pháp lý cần thiết, thì bên A có quyền phạt bên B về giá trị hợp đồng cho thời hạn chậm trễ trên như sau: 05 ngày đầu tiên phạt 1% giá trị hợp đồng, cứ mỗi 05 ngày tiếp theo sẽ phạt 0,5% giá trị hợp đồng, Tổng giá trị phạt chậm quyết toán không quá 12% giá trị hợp đồng. Nếu chậm quyết toán trong 30 ngày (lỗi chủ quan của Nhà thầu), ngoài tiền phạt do chậm tiến độ, bên A sẽ tự hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình và trừ thêm 2% giá trị quyết toán hợp đồng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để bù vào chi phí lập hồ sơ quyết toán. - Nhà thầu chịu trách nhiệm trong việc thực hiện đảm bảo thời gian đã đăng ký cắt điện. Nếu vi phạm lịch cắt điện thi công và trả lưới điện chậm do lỗi chủ quan của Bên nhận thầu, Bên nhận thầu sẽ bị phạt theo quy định của pháp luật đã được hai bên thống nhất ký tại thỏa thuận thi công và bồi thường thiệt hại. - Bên nhận thầu có trách nhiệm vận chuyển và nhập kho Bên giao thầu toàn bộ khối lượng vật tư thu hồi từ công trình trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Sau 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình, nếu Bên nhận thầu nhập thiếu, Bên giao thầu sẽ đối trừ vào giá trị thanh quyết toán của Bên nhận thầu theo đơn giá của vật tư mới.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Ngoài quy định về phạt vi phạm, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Tổng Công ty Điện miền Bắc và Công ty Điện lực Hưng Yên
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Sau khi thực hiện nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng, ngoài ra nhà thầu phải bàn giao đầy đủ hồ sơ quyết toán gói thầu cho Chủ đầu tư sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Sau 10 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: Không
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.